

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N.º de notariación: **Số công chứng: 00 SPECIMEN 00/2026** — Hà Nội, 20/2/2026

VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG

Acuerdo de bienes matrimoniales (contrato prenupcial) · conforme a la Ley de Matrimonio y Familia de 2014

Conforme a: la Ley de Matrimonio y Familia de 2014 n.º 52/2014/QH13 (Điều 47–50); el Decreto 126/2014/NĐ-CP; el Código Civil de 2015; y la libre voluntad de ambas partes,

EL ESPOSO (PARTE A)

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE

Pháp (France) — cá nhân nước ngoài *Nacionalidad*

00 SPECIMEN 00 N.º de pasaporte

LA ESPOSA (PARTE B)

Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN>

Việt Nam *Nacionalidad*

CCCD 001 SPECIMEN 001 N.º de documento de identidad (CCCD)

CLÁUSULAS DEL CONTRATO

① Điều 1. Căn cứ thỏa thuận

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE (quốc tịch Pháp) và Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN> (quốc tịch Việt Nam), dự định đăng ký kết hôn, tự nguyện lập văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo Điều 47–50 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 và Nghị định 126/2014/NĐ-CP.

② Điều 2. Chế độ tài sản được lựa chọn

Hai bên thỏa thuận áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận (không áp dụng chế độ tài sản pháp định), tách bạch tài sản riêng của mỗi bên và tài sản chung của vợ chồng theo Điều 48. Văn bản có hiệu lực kể từ ngày đăng ký kết hôn.

③ Điều 3. Tài sản riêng của Chồng

Căn hộ số 1804, tầng 18, dự án THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn) là tài sản riêng của Chồng, không thuộc khối tài sản chung của vợ chồng trong suốt thời kỳ hôn nhân.

④ Điều 4. Tài sản riêng của Vợ

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại <specimen>, phường Xuân La, quận Tây Hồ cùng sổ tiết kiệm số 0 SPECIMEN 0 tại Ngân hàng <SPECIMEN>bank là tài sản riêng của Vợ, hình thành trước hôn nhân.

⑤ Điều 5. Tài sản chung và nghĩa vụ chung

Thu nhập, tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ngoài các tài sản đã liệt kê tại Điều 3 và Điều 4, là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng; việc quản lý, sử dụng, định đoạt phải có sự thỏa thuận của cả hai bên.

⑥ Điều 6. Hiệu lực, sửa đổi và cam kết

Văn bản có hiệu lực kể từ ngày công chứng và ngày đăng ký kết hôn (Điều 47), chỉ được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt bằng văn bản công chứng mới (Điều 49). Hai bên cam đoan hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận.

POR EL ESPOSO

Firma, nombre completo

POR LA ESPOSA

Firma, nombre completo

<SPECIMEN>

<SPECIMEN>

El *Văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng* (contrato prenupcial), cláusula por cláusula

Un acuerdo de bienes matrimoniales fija qué bienes permanecen separados — esencial cuando uno de los cónyuges es extranjero y la vivienda de la pareja es un apartamento en Hanói. Antes de firmar, verifique seis cláusulas. Las marcas ①–⑥ remiten al facsímil de la página anterior. Documento specimen — datos ficticios.

1 Partes y base legal — Căn cứ thỏa thuận

Confirme que ambos cónyuges están correctamente identificados (**nombre completo, nacionalidad, documento de identidad/pasaporte**) y que el acuerdo cita **Điều 47–50 de la Ley de Matrimonio y Familia de 2014** — el único fundamento jurídico válido para elegir un régimen económico matrimonial.

RED FLAG Ausencia de referencia a la Ley de Matrimonio y Familia, o el documento es una carta privada en lugar de una escritura notarial.

2 Régimen económico elegido — Chế độ tài sản theo thỏa thuận

La norma por defecto en Vietnam es la sociedad de gananciales; los cónyuges pueden optar en su lugar por un **régimen convencional** que mantiene separados los bienes de cada uno. El acuerdo debe indicar claramente qué régimen se aplica y a partir de qué fecha.

RED FLAG El acuerdo no especifica el régimen elegido, u omite la fecha de entrada en vigor.

3 Bienes privativos del Esposo — Tài sản riêng của chồng

El apartamento del cónyuge extranjero — **adquirido antes del matrimonio** — debe figurar aquí como su bien privativo, manteniéndolo fuera del patrimonio matrimonial y dentro de su cuota individual de propiedad reservada a extranjeros.

RED FLAG El apartamento no figura como bien privativo, quedando expuesto a una división al 50/50 en caso de divorcio.

4 Bienes privativos de la Esposa — Tài sản riêng của Vợ

Cualquier derecho de uso del suelo, ahorro o propiedad que la cónyuge vietnamita poseyera antes del matrimonio debe figurar de forma simétrica, con detalles suficientes (dirección, n.º de cuenta) para identificar cada bien.

RED FLAG Solo se detallan los bienes de uno de los cónyuges — un acuerdo desequilibrado es más fácil de impugnar ante los tribunales.

5 Bienes comunes y obligaciones comunes — Tài sản chung, nghĩa vụ chung

Todo lo adquirido conjuntamente después de la boda — ingresos, compras conjuntas — sigue siendo **bien común** y requiere el consentimiento de ambos cónyuges para venderlo, hipotecarlo o donarlo.

RED FLAG Sin previsión para futuros bienes comunes, dejando ambigüedad sobre cualquier adquisición posterior a la boda.

6 Fecha de efecto y notarización — Hiệu lực, công chứng

El acuerdo solo es válido una vez **notarizado (công chứng)**, y entra en vigor en la fecha de inscripción del matrimonio; cualquier modificación requiere una nueva escritura notarial.

RED FLAG El acuerdo no está firmado por un notario, o se modifica posteriormente mediante una simple carta anexa.

Documento SPECIMEN con fines educativos — diseño simplificado inspirado en un acuerdo de bienes matrimoniales conforme a la Ley de Matrimonio y Familia de 2014, cumplimentado con datos ficticios. No se trata de un documento oficial, no tiene ningún valor legal y no reproduce ningún sello real. Esto no constituye asesoramiento jurídico: haga verificar cualquier acuerdo por un abogado vietnamita colegiado antes de firmar.